



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm**
Laboratory: **Laboratory department**
Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn**
Organization: **Bim Son cement joint stock company**
Số hiệu/ Code: **VILAS 891**
Chuẩn mực công nhận **ISO/IEC 17025:2017**
Accreditation criteria
Lĩnh vực: **Vật liệu Xây dựng**
Field: **Civil Engineering**
Người quản lý: **Nguyễn Văn Đức**
Laboratory manager: **Nguyen Van Duc**
Hiệu lực công nhận **Kể từ ngày /12/2025 đến ngày 19/12/2030**
Period of Validation:
Địa chỉ: **Tổ dân phố số 7, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa**
Address: **Residential quarter No. 7 Bim Son ward, Thanh Hoa province**
Địa điểm: **Tổ dân phố số 7, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa**
Location: **Residential quarter No. 7 Bim Son ward, Thanh Hoa province**
Điện thoại/ Tel: **02373.824.242**
Email: **contact@ximangbimson.com.vn**
Website: **www.ximangbimson.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 891****Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu Xây dựng***Field of testing: Civil Engineering*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Xi măng Cement	Xác định cường độ nén <i>Determination of compressive strength</i>	(5 ~ 70) Mpa	TCVN 6016:2011 ASTM C109/C109M-24 GB/T 17671:2021 BS EN 196-1:2016
2.		Xác định cường độ uốn <i>Determination of flexural strength</i>	(2 ~ 20) Mpa	TCVN 6016:2011 GB/T 17671:2021 BS EN 196-1:2016
3.		Xác định thời gian đông kết <i>Determination of setting time</i>	(10 ~ 480) phút/ <i>minutes</i>	TCVN 6017:2015 ASTM C191-21 GB/T 1346:2011 BS EN 196-3:2016
4.		Xác định độ ổn định thể tích <i>Determination of soundness</i>	(0 ~ 25) mm	TCVN 6017:2015 GB/T 1346:2011 BS EN 196-3:2016
5.		Xác định độ nở Autoclave <i>Determination of Autoclave expansion</i>	(0,001 ~ 4) %	TCVN 8877:2011 ASTM C151/C151M-23 GB/T 750:1992
6.		Xác định hàm lượng bọt khí của vữa <i>Determination of air content of cement mortar</i>	(1 ~ 30) %	ASTM C185-20
7.		Xác định độ mịn Phương pháp sàng (0,09/0,045 mm) <i>Determination of the fineness sieve method (0,09/0,045 mm)</i>	(0,1 ~ 100) %	TCVN 13605:2023 ASTM C1891-25 GB/T 1345:2005 BS EN 196-6:2018
8.		Xác định độ mịn Phương pháp thấm khí <i>Determination of the fineness Air premeability method</i>	(2000 ~ 8000) cm ² /g	TCVN 13605:2023 ASTM C204-25 GB/T 8074:2008 BS EN 196-6:2018
9.		Xác định khối lượng riêng <i>Determination of the density</i>	(2,0 ~ 3,2) g/cm ³	TCVN 13605:2023 ASTM C188-25 GB/T 208:2014 BS EN 196-6:2018

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 891

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Clanhke <i>Clinker</i>	Xác định hàm lượng SO ₃ <i>Determination of sulfur trioxide content</i>	(0,2 ~ 4) %	TCVN 141:2023
	Xi măng <i>Cement</i>			TCVN 141:2023 ASTM C114-24 GB/T 176:2017 BS EN 196-2:2013
11.	Clanhke <i>Clinker</i>	Xác định hàm lượng mất khi nung <i>Determination of loss on ignition content</i>	(0,01 ~ 20) %	TCVN 141:2023
	Xi măng <i>Cement</i>			TCVN 141:2023 ASTM C114-24 GB/T 176:2017 BS EN 196-2:2013
12.	Clanhke <i>Clinker</i>	Xác định hàm lượng cặn không tan <i>Determination of insoluble residue content</i>	(0,01 ~ 25) %	TCVN 141:2023
	Xi măng <i>Cement</i>			TCVN 141:2023 ASTM C114-24 GB/T 176:2017 BS EN 196-2:2013
13.	Clanhke <i>Clinker</i>	Xác định hàm lượng SiO ₂ (không bao gồm SiO ₂ hòa tan) <i>Determination of Silicon dioxide content (Not include solvent SiO₂)</i>	(17 ~ 30) %	TCVN 141:2023
	Xi măng <i>Cement</i>			TCVN 141:2023 ASTM C114-24 GB/T 176:2017 BS EN 196-2:2013
14.	Clanhke <i>Clinker</i>	Xác định hàm lượng Al ₂ O ₃ <i>Determination of Aluminum oxide content</i>	(3 ~ 10) %	TCVN 141:2023
	Xi măng <i>Cement</i>			TCVN 141:2023 ASTM C114-24 GB/T 176:2017 BS EN 196-2:2013
15.	Clanhke <i>Clinker</i>	Xác định hàm lượng Fe ₂ O ₃ <i>Determination of Ferric oxide content</i>	(2 ~ 7) %	TCVN 141:2023
	Xi măng <i>Cement</i>			TCVN 141:2023 ASTM C114-24 GB/T 176:2017 BS EN 196-2:2013

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 891

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
16.	Clanhke <i>Clinker</i>	Xác định hàm lượng CaO <i>Determination of Calcium oxide content</i>	(35 ~ 70) %	TCVN 141:2023
	Xi măng <i>Cement</i>			TCVN 141:2023 ASTM C114-24 GB/T 176:2017 BS EN 196-2:2013
17.	Clanhke <i>Clinker</i>	Xác định hàm lượng MgO <i>Determination of Magnesium oxide content</i>	(0,5 ~ 6) %	TCVN 141:2023
	Xi măng <i>Cement</i>			TCVN 141:2023 ASTM C114-24 GB/T 176:2017 BS EN 196-2:2013
18.	Clanhke <i>Clinker</i>	Xác định hàm lượng CaO tự do <i>Determination of free Calcium oxide content</i>	(0,2 ~ 10) %	TCVN 141:2023
	Xi măng <i>Cement</i>			TCVN 141:2023 ASTM C114-24 GB/T 176:2017
19.	Xi măng <i>Cement</i>	Xác định thời gian đông kết bằng kim Gillmore <i>Determination of Setting time by Gillmore needles</i>	(10 ~ 1200) phút/ minutes	ASTM C266-21
20.		Xác định độ mịn Phương pháp sàng 45 µm <i>Determination of the fineness Sieve method 45µm</i>	(0,1 ~ 100) %	ASTM C430-24
21.		Xác định độ giữ nước <i>Determination of the water retention</i>	(1 ~ 100) %	ASTM C1506-24

Ghi chú/Note:

ASTM: American Society for Testing and Materials

GB/T: Chinese national standards

BS EN: European Standard

Trường hợp Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Bim Son cement joint stock company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service ./.* 